TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1031/2026/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 26 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9,11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 1300/2026/TLST-VHNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*:

1. Ông Đinh Văn T , sinh ngày 26/11/1974; Căn cước công dân số: 037074008087; Địa chỉ: Tổ 13, Khu phố 3A, Phường T , Thành phố Đ.

2. Bà Thân Thị B , sinh ngày 17/05/1975; Căn cước công dân số: 096097000161; Địa chỉ: Tổ 13, Khu phố 3A, Phường T , Thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Văn T và bà Thân Thị B tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 12/01/2009 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06/2009 ngày 12/01/2009 nên căn cứ Điều 9,11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông Đinh Văn T và bà Thân Thị B khai, Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Mấy năm về sau, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hoà hợp nhau về quan điểm sống và tính cách dẫn đến thường xuyên bất hòa, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên căng thẳng. Nhiều lần ông bà tìm cách để hàn gắn nhưng không

có kết quả. Hiện nay, ông bà đã ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, đoàn tụ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng ông bà thống nhất thuận tình ly hôn..

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Thị Đoan Tr , sinh ngày 30/06/2009 và cháu Đinh Trọng Kh, sinh ngày 27/08/2012. Ly hôn, các đương sự thống nhất để bà Thân Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung đến khi các con trưởng thành và có khả năng lao động. Tạm thời ông Đinh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Đinh Văn T và bà Thân Thị B phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 6 năm 2026 là thực sự tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai chấp nhận đơn yêu cầu của ông Đinh Văn T và bà Thân Thị B .

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Văn T , sinh năm 1974 và bà Thân Thị B , sinh năm 1975 thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Thị Đoan Tr , sinh ngày: 30/06/2009 và cháu Đinh Trọng Kh, sinh ngày: 27/08/2012. Ly hôn, các đương sự thống nhất để bà Thân Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đinh Thị Đoan Tr và cháu Đinh Trọng Kh. Ông Đinh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Đinh Văn T và bà Thân Thị B mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011017 ngày 12/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND KV1 - Đồng Nai;
- THADS thành phố Đồng Nai;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tám